

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 20/4/2018

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia
đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Thuận.

2. Ông Trương Quang Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký TAND huyện Krông Búk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị H, sinh năm 1974 – có mặt.

Địa chỉ: Thôn E, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1964 – vắng mặt không có lý do.

Địa chỉ: Thôn E, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Vũ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Nguyễn Quốc T tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P vào năm 1995, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do cuộc sống chung và công việc làm ăn vợ chồng luôn xảy ra bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã

sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay bà H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Quốc T.

Về con chung: Bà H và ông T có 02 con chung là Nguyễn Vũ Thùy L, sinh ngày 09/5/1997 và Nguyễn Vũ Bảo N, sinh ngày 19/11/2003. Do cháu L đã trưởng thành nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu N đang còn nhỏ tuổi cần sự chăm sóc dạy dỗ nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết giao cho bà được là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Vũ Bảo N đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu ông Nguyễn Quốc T phải cấp dưỡng nuôi con..

- Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, đơn xin trình bày về việc xin ly hôn bị đơn ông Nguyễn Quốc T trình bày:

Ông T và bà H đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 1995, tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Thời gian chung sống vợ chồng có hi con chung như bà H đã khai, do cuộc sống vợ chồng không hòa thuận nên bà H đã nộp đơn ly hôn yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng do hai vợ chồng chưa thỏa thuận được với nhau về tài sản nên ông T đề nghị Tòa án tạm dừng việc ly hôn để vợ chồng thỏa thuận với nhau về tài sản, khi nào thỏa thuận xong thì Tòa án giải quyết ly hôn.

Tại bản tự khai cháu Nguyễn Vũ Bảo N trình bày:

Cháu là con ruột của ông Nguyễn Quốc T và bà Vũ Thị H, nếu bố T và mẹ H ly hôn thì nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ vì mẹ có điều kiện chăm sóc cháu tốt hơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi trước thời điểm xét xử đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật, xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự. Tại phiên tòa HĐXX thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Đối với những người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự ; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn vi phạm Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Vũ Thị H.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Nguyễn Vũ Bảo N cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Ông Nguyễn Quốc T là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân*: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Vũ Thị H và ông Nguyễn Quốc T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào năm 1995. Theo bà H trình bày vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do cuộc sống chung và công việc làm ăn vợ chồng luôn xảy ra bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay bà H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, ông T không đồng ý yêu cầu ly hôn của bà H vì giữa ông T và bà H chưa thỏa thuận được với nhau về tài sản chung. Theo kết quả xác minh tại địa phương thì trong quá trình chung sống tại thôn E, xã P giữa bà H và ông T có xảy ra mâu thuẫn từ lâu, do bà H và ông T không báo với hội phụ nữ, ban tự quản thôn hoặc tổ hòa giải của thôn nên tổ hòa giải của thôn chưa hòa giải cho ông bà lần nào.

Tại phiên tòa hôm nay bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn ông T, đề nghị HĐXX xem xét giải quyết. Về yêu cầu tạm dừng giải quyết việc ly hôn của ông T để vợ chồng giải quyết về tài sản chung, nhưng ông T không đưa ra chứng cứ cũng như yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng nên không có căn cứ để tạm dừng giải quyết vụ án. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H, ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho bà H được ly hôn ông T là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Vũ Bảo N, sinh ngày 19/11/2003 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Nguyễn Vũ Bảo N cũng có nguyện vọng được ở với bà H vì bà H có điều kiện chăm sóc tốt hơn. Vì vậy giao con chung là cháu Nguyễn Vũ Bảo N cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là đảm bảo quyền lợi của cháu. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông T được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở là phù hợp với Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị H. Bà H được ly hôn với ông Nguyễn Quốc T.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Vũ Bảo N cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi)

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Vũ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2016/0001387 ngày 16/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THA dân sự huyện Krông Búk;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Anh Thái